

## PHẦN I: MỞ ĐẦU

Lý luận, hình thái kinh tế - xã hội là lý luận cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử do C. Mác xây dựng lên. Nó có vị trí quan trọng trong triết học Mác. Lý luận đó đã được thừa nhận Lý luận khoa học và là phương pháp luận cơ bản trong việc nghiên cứu lĩnh vực xã hội. Nhờ có lý luận hình thái kinh tế - xã hội, lần đầu tiên trong lịch sử loài người, Mác đã chỉ rõ nguồn gốc, động lực bên trong, nội tại của sự phát triển xã hội, chỉ rõ được bản chất của từng chế độ xã hội. Lý luận đó giúp chúng ta nghiên cứu một cách đúng đắn và khoa học sự vận hành của xã hội trong giai đoạn phát triển nhất định cũng như tiến trình vận động lịch sử nói chung của xã hội loài người

Song, ngày nay. Đứng trước sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, lý luận đó đang được phê phán từ nhiều phía. Sự phê phán đó không phải từ phía kẻ thù của chủ nghĩa Mác mà còn cả một số người đã từng đi theo chủ nghĩa Mác. Họ cho rằng lý luận, hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác đã lỗi thời trong thời đại ngày nay. Phải thay thế nó bằng một lý luận khác, chẳng hạn như lý luận về các nền văn minh. Chính vì vậy làm rõ thực chất lý luận hình thái kinh tế - xã hội, giá trị khoa học và tính thời đại của nó đang là một đòi hỏi cấp thiết .

Về thực tiễn, Việt Nam đang tiến hành công cuộc xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Công cuộc đó đang đặt ra hàng loạt vấn đề đòi hỏi các nhà khoa học trên các lĩnh vực khác nhau phải tập chung nghiên cứu giải quyết. Trên cơ sở làm rõ giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế - xã hội , việc vận dụng lý luận đó vào việc phát triển lực lượng sản xuất ở nước taChính vì những lý do trên việc nghiên cứu đề tài: “**Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và vận dụng vào việc phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta**” có ý nghĩa thiết thực cả về lý luận và thực tiễn.



## NỘI DUNG

### I. HỌC THUYẾT VỀ HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

#### 1. Hình thái kinh tế - xã hội

+ Hình thái kinh tế - xã hội là một phạm trù của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và với một kiến trúc thương tầng tương ứng được xây dựng trên quan hệ sản xuất ấy. Với từng giai đoạn phát triển lịch sử nhất định thì ở những giai đoạn đó sẽ tồn tại các mặt đối lập, các quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất, lực lượng lao động sinh hoạt khác nhau với phong tục tập quán của các nước trên thế giới cũng khác nhau. Trình độ phát triển khác nhau, mỗi nước có một nền sản xuất, nền kinh tế khác nhau. Nhưng cuối cùng thì đó sẽ là một kiến trúc thương tầng được hình thành trong hình thái kinh tế - xã hội đó nó cũng có những kết cấu và chức năng cùng các yếu tố cấu thành hình thái kinh tế - xã hội.

+ Xã hội không phải là tổng hợp của những hiện tượng sự kiện rời rạc, những cá nhân riêng lẻ mà xã hội là một chính thể toàn vẹn có cơ cấu phức tạp, trong đó có những mặt cơ bản nhất là lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thương tầng. Mỗi mặt đó có vai trò nhất định và tác động đến các mặt khác tạo nên sự vận động của xã hội. Chính tính toàn vẹn đó được phản ánh bằng tổng thể các mặt của hình thái kinh tế - xã hội.

+ Tổng thể hình thái kinh tế xã hội bao gồm nhiều mặt, mỗi mặt lại có những thế mạnh riêng lẻ và phải dựa vào những thế mạnh đó để nghiên cứu, tìm tòi và phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

#### 2. Vai trò của lực lượng sản xuất

Lịch sử phát triển của xã hội loài người từ khi hình thành đến nay đã trải qua các giai đoạn phát triển cao thấp khác nhau, tương ứng với mỗi giai đoạn đó là một hình thái kinh tế - xã hội cụ thể, sự vận động và thay thế lẫn nhau của các

## Tiêu luận triết học

---

hình thái kinh tế xã hội trong lịch sử là do các qui luật khách quan chi phối đặc biệt là bị chi phối bởi qui luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Do đó C.Mác viết “Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.

Trong đời sống hàng ngày những điều tất yếu mà xã hội nào cũng cần có đó là sản xuất vật chất, sản xuất vật chất có vai trò rất lớn trong cuộc sống con người, nó là quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của tự nhiên để tạo ra của cải vật chất cho đời sống xã hội. Đó là quá trình hoạt động có mục đích, nhằm cải biến những vật liệu tự nhiên làm cho nó thích hợp với nhu cầu của con người, sản xuất vật chất thực hiện trong quá trình lao động, chính trong quá trình lao động mà mỗi người phải liên kết với nhau để làm và mọi người làm là lực lượng sản xuất sinh ra từ đây. Quan hệ sản xuất cũng sinh ra khi mọi người dựa vào nhau để làm ra của cải vật chất. Các nhà triết học của xã hội duy tâm giải thích nguyên nhân, động lực phát triển của xã hội từ ý thức tư tưởng của con người hay từ một lực lượng siêu tự nhiên nào đó. Ngày nay nhiều nhà xã hội học tư sản giải thích sự phát triển của xã hội theo quan điểm kỹ thuật. Họ không nói đến các quan hệ kinh tế - xã hội, nguồn gốc sản sinh và thay thế các chế độ xã hội khác nhau trong lịch sử .

+ Ăng - ghen viết: Mác là người đầu tiên “đã phát hiện ra quy luật phát triển của lịch sử loài người”, nghĩa là tìm ra các sự thật giản đơn là trước hết con người cần phải ăn uống , ở và mặc, trước khi có thể lo đến chuyện chính trị khoa học, tôn giáo .

+ Con người phải sản xuất của cải vật chất, đó là yêu cầu khách quan của sự sinh tồn xã hội . Xã hội không thể thoả mãn nhu cầu của mình bằng những cái đã có sẵn trong tự nhiên, để duy trì và ngày càng nâng cao đời sống của mình con người phải tiến hành sản xuất ra của cải vật chất. “Nếu không có sản xuất thì xã hội sẽ diệt vong. Vì thế, sản xuất sản xuất của cải vật chất là một điều kiện cơ bản của mọi xã hội, là một hành động lịch sử mà hiện nay cũng như

ngàn năm trước đây người ta vẫn phải tiến hành từng ngày, từng giờ cốt để duy trì cuộc sống của con người.

+ Để sản xuất ra của cải vật chất thì phải cần đến lực lượng sản xuất vì sản xuất vật chất không những là cơ sở cho sự sinh tồn của xã hội, mà còn là cơ sở để hình thành nên tất cả các hình thức quan hệ xã hội khác. Dù bất cứ một hệ thống vật chất nào cũng đều có những kiểu quan hệ nhất định giữa các yếu tố cấu thành nó. Trong đời sống xã hội, tất cả các quan hệ xã hội về nhà nước, chính trị, pháp quyền, đạo đức, nghệ thuật... đều hình thành và phát triển trên cơ sở sản xuất. Trong quá trình sản xuất nhất định con người đồng thời sản xuất và tái sản xuất ra những quan hệ xã hội của mình.

+ Muốn sản xuất ra của cải vật chất thì nó cũng có những nhân tố tất yếu của sản xuất và đời sống : Xã hội là một hệ thống tự điều khiển bằng những quy luật đặc thù của mình, song điều đó không có nghĩa là xã hội phát triển một cách biệt lập với tự nhiên. Bởi vì tự nhiên là môi trường sống của con người hợp thành xã hội và xã hội trong đó có con người là sản phẩm phát triển tự nhiên. Giữa xã hội và tự nhiên thường xuyên diễn ra sự trao đổi vật chất. Sự trao đổi đó như Mác đã chỉ rõ - được thực hiện trong quá trình lao động sản xuất. Điều kiện tự nhiên là yếu tố thường xuyên tất yếu của sự tồn tại và phát triển của xã hội nhưng không giữ vai trò quyết định sự phát triển của xã hội.

+ Vai trò của điều kiện tự nhiên trước hết được thể hiện ở chỗ: Từ trong thế giới thực vật và động vật con người khai thác những tư liệu dinh dưỡng để chế biến ra tư liệu tiêu dùng; tài nguyên khoáng sản tự nhiên, con người chế tạo ra tư liệu sản xuất; từ nguồn năng lượng tự nhiên con người sử dụng vào quá trình sản xuất như: sức gió, sức nước, sức hơi nước, điện, năng lượng của quá trình hoá học và các quá trình bên trong nguyên tử... Ở trình độ khác nhau của xã hội mức độ ảnh hưởng của tự nhiên đối với xã hội cũng khác nhau.

- Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến việc tổ chức phân công lao động và phân bổ lực lượng sản xuất, nhiều ngành nghề được hình thành từ những điều

## Tiêu luận triết học

---

kiện tự nhiên như công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, các ngành khai thác... tự nhiên phong phú là dạng cơ sở tự nhiên của việc phân công lao động trong xã hội: tự nhiên tác động vào xã hội hoàn toàn mang tính chất tự phát, còn xã hội tác động vào tự nhiên là sự tác động có ý thức của con người.

+ Sự tác động của con người vào tự nhiên như thế nào là tuỳ thuộc và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và vào chế độ xã hội. Lực lượng sản xuất quyết định cách thức và trình độ chinh phục của con người.

+ Quá trình phát triển lịch sử tự nhiên của xã hội có nguồn gốc sâu xa ở sự phát triển của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất bao giờ cũng bắt đầu từ dân số, muốn có lực lượng sản xuất thì tất nhiên phải có dân số, dân số đông thì lực lượng sản xuất lớn mạnh. Nhưng dân số làm sao phải phù hợp với đất nước, không quá đông, quá ít mà phải vừa đủ thì việc làm mới đáp ứng đủ với lực lượng sản xuất ... còn nếu thiếu việc làm thì lực lượng sản xuất sẽ thừa. Vậy muốn lực lượng sản xuất đủ phù hợp với đất nước thì phải kìm hãm dân số phát triển với những nước đông dân và khuyến khích sinh đẻ dân số với những nước có dân số ít. Vì lực lượng sản xuất là nhân tố chính của hình thái kinh tế xã hội .

+ Những lực lượng sản xuất được tạo ra bằng năng lực thực tiễn của con người, song không phải con người làm ra theo ý muốn chủ quan. Bản thân năng lực thực tiễn của con người cũng bị quy định bởi nhiều điều kiện khách quan nhất định. Người ta làm ra lực lượng sản xuất của mình dựa trên những lực lượng sản xuất đã đạt được trong mọi hình thái kinh tế- xã hội đã có sẵn do thế hệ trước tạo ra. Lực lượng sản xuất biểu hiện quan hệ giữa người với giới tự nhiên. Trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của loài người, lực lượng sản xuất bao gồm:

- Tư liệu sản xuất do xã hội tạo ra, trước hết là công cụ lao động .
- Người lao động với kinh nghiệm sản xuất, thói quen lao động, biết sử dụng tư liệu sản xuất để tạo ra của cải vật chất.

+ Đối tượng lao động không phải là toàn bộ giới tự nhiên mà chỉ có bộ phận của giới tự nhiên được đưa vào sản xuất, được con người sử dụng mới là đối tượng lao động trực tiếp. Con người không chỉ tìm trong giới tự nhiên những đối tượng lao động có sẵn, mà còn sáng tạo ra bản thân đối tượng lao động. Sự phát triển của sản xuất có liên quan với việc đưa những đối tượng ngày càng mới hơn vào quá trình sản xuất.

+ Tư liệu lao động là vật thể hay là phức hợp vật thể mà con người đặt giữa mình với đối tượng lao động, chúng dẫn truyền tích cực sự tác động của con người vào đối tượng lao động.

+ Trình độ phát triển của tư liệu lao động chủ yếu là công cụ lao động là thước đo trình độ chinh phục tự nhiên của loài người, là cơ sở xác định trình độ phát triển của sản xuất, là tiêu chuẩn để khác nhau giữa thời đại kinh tế. Đối với mỗi thế hệ mới, những tư liệu lao động do thế hệ trước để lại trở thành điểm xuất phát của sự phát triển tương lai.

Vì vậy những tư liệu đó là kế tục của lịch sử chính những tính chất và trình độ kỹ thuật của lực lượng sản xuất đã quy định một cách khách quan tính chất và trình độ quan hệ sản xuất, do đó xét đến cùng lực lượng sản xuất quyết định quá trình vận động và phát triển của hình thái kinh tế- xã hội như một quá trình lịch sử - tự nhiên .

+ Ngày nay cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đã tạo ra bước nhảy vọt lớn trong lực lượng sản xuất. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Khoa học trở thành điểm xuất phát cho những biến đổi to lớn trong kỹ thuật sản xuất, tạo ra những ngành sản xuất mới, kết hợp khoa học kỹ thuật thành một thể thống nhất, đưa đến những phương pháp công nghệ mới đem lại hiệu quả cao trong sản xuất. Do khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp mà thành phần người cấu thành lực lượng sản xuất cũng thay đổi. Người lao động trong lực lượng sản xuất không chỉ bao gồm lao động chân tay, mà bao

gồm cả kỹ thuật viên, kỹ sư và cán bộ khoa học phục vụ trực tiếp quá trình sản xuất.

- Trong các quy luật khách quan chi phối sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế xã hội thì quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất có vai trò quyết định nhất. Lực lượng sản xuất, một mặt là phương thức sản xuất, là yếu tố đảm bảo tính kế thừa trong sự phát triển tiến lên của xã hội, quy định khuynh hướng phát triển từ thấp đến cao.

### **II. VẤN ĐỀ CẦN XÂY DỰNG HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**

#### **1) Vấn đề xây dựng hình thái kinh tế - xã hội ở Việt Nam**

+ Lần đầu tiên trong lịch sử xã hội học, học thuyết Mác - Lê nin về hình thái kinh tế - xã hội vạch ra nguồn gốc động lực bên trong của sự phát triển xã hội, tìm ra những nguyên nhân và cơ sở của sự xuất hiện và biến đổi của những hiện tượng xã hội, đặt cơ sở khoa học cho xã hội học, nâng xã hội học lên thành một khoa học thật sự, chống lại quan điểm duy tâm về lịch sử, coi xã hội học là sự kết hợp có tính chất máy móc của nhiều cá nhân và gia đình, coi sự vận động phát triển của xã hội là do ý chí của những nhà cầm quyền chi phối. Coi kỹ thuật là cái chung quyết định tính chất chế độ xã hội là tiêu chuẩn khách quan phân biệt các hình thái kinh tế - kinh tế - xã hội.

- Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, không có nghĩa là gạt bỏ tất cả quan hệ sở hữu cá thể, tư nhân chỉ còn lại chế độ công hữu và tập thể, trái lại tất cả những gì thuộc về sở hữu tư nhân góp phần vào sản xuất kinh doanh thì chấp nhận nó như một bộ phận tự nhiên của quá trình kinh tế xây dựng chủ nghĩa xã hội, khuyến khích mọi hình thức kinh tế để phát triển sản xuất và nâng cao cuộc sống của nhân dân.

- Vậy nước ta chọn lựa con đường xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản với ý nghĩa là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đặc biệt là về mặt chính trị của chế độ đó- tức không thể hình thành một hệ thống chính trị của giai

## Tiêu luận triết học

---

cấp tư sản, trong đó đa số sống phụ thuộc vào lợi ích và quyền lực của thiểu số. Để xây dựng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, chúng ta chủ trương một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước nhằm phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất để xây dựng cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, từng bước xã hội hoá xã hội chủ nghĩa. Trong thực tế nền sản xuất đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trên cơ sở lực lượng sản xuất phát triển. Quá trình đó được thực hiện không phải bằng sự tước đoạt, gò ép theo chủ nghĩa hình thức như trước đây mà được thể hiện từng bước thông qua hỗn hợp các hình thức sở hữu như công ty cổ phần, chủ nghĩa tư bản nhà nước, các hình thức hợp tác xã... để dần hình thành các tập đoàn kinh doanh lớn, trong đó các đơn vị quốc doanh là nòng cốt. Tức là chúng ta chỉ bỏ qua những gì mà xã hội mới có thể thay thế vào những quan hệ xã hội cũ đem lại hiệu quả kinh tế xã hội cao hơn. Chúng ta không chủ trương gạt bỏ cái cũ để có cái mới mà thực hiện chuyển hoá cái cũ thành cái mới.

+ Muốn làm được như trên ta phải định hướng xã hội chủ nghĩa kinh tế như sản xuất hàng hoá nhỏ và hệ thống quy luật kinh tế tư bản chủ nghĩa thì nhà nước phải sử dụng tổng thể các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục trong đó các biện pháp kinh tế có vai trò quan trọng nhất nhằm từng bước xã hội hoá nền sản xuất với những hình thức và bước đi thích hợp theo hướng: kinh tế quốc doanh được củng cố và phát triển ở những vị trí nòng cốt. Kinh tế tập thể dưới hình thức thu hút phần lớn những người sản xuất nhỏ trong các ngành nghề, các hình thức xí nghiệp, công ty cổ phần phát triển mạnh. Kinh tế tư nhân và gia đình phát huy được mọi tiềm năng, các tập đoàn kinh doanh lớn có sức chi phối trong nền kinh tế được hình thành.

+ Vì cơ cấu và quy luật phổ biến tác động trong mọi hình thái kinh tế - xã hội được biểu hiện theo những kiểu riêng biệt trong mỗi hình thái kinh tế - xã hội cụ thể (cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ

nghĩa và cộng sản chủ nghĩa). Ở mỗi hình thái kinh tế - xã hội cụ thể những quy luật phổ biến đó lại thể hiện theo những hình thức đặc thù thì ở những nước khác nhau. Điều đó cho phép chúng ta có thể vận dụng những quy luật phổ biến để nghiên cứu một hình thái kinh tế xã hội cụ thể.

### **2. Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất .**

+ Trải qua quá trình lịch sử thì lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt của phương thức sản xuất, chúng tồn tại không tách rời nhau mà tác động biện chứng lẫn nhau hình thành quy luật xã hội phổ biến của toàn bộ lịch sử loài người, quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Quy luật vạch rõ tính chất phụ thuộc khách quan của quan hệ sản xuất vào sự phát triển của lực lượng sản xuất. Đến lượt mình quan hệ sản xuất tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất .

+ Tính chất của lực lượng sản xuất là khái niệm được Ăng-ghen sử dụng để phân tích lực lượng sản xuất trong các phương thức sản xuất khác nhau.

Khi nền sản xuất được thực hiện với những công cụ ở trình độ thủ công, lực lượng sản xuất chủ yếu là mang tính chất cá nhân. Khi sản xuất đạt tới trình độ cơ khí hoá, lực lượng sản xuất đòi hỏi phải được vận động trong sự hợp tác xã hội rộng rãi trên cơ sở chuyên môn hoá. Tính chất tự cấp tự túc, cô lập của nền sản xuất nhỏ lúc đó phải được thay thế bởi tính chất xã hội hoá.

Trình độ của lực lượng sản xuất trong từng giai đoạn lịch sử loài người thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người trong giai đoạn lịch sử đó. Khái niệm trình độ của lực lượng sản xuất nói lên khả năng của con người thông qua việc sử dụng công cụ lao động thực hiện quá trình cải biến giới tự nhiên nhằm đảm bảo cho sự sinh tồn và phát triển của mình.

Trình độ lực lượng sản xuất thể hiện ở :

- Trình độ của công cụ lao động.

- Trình độ tổ chức lao động xã hội .
- Trình độ ứng dụng khoa học vào sản xuất.
- Kinh nghiệm và kỹ năng lao động của con người.
- Trình độ phân công lao động.

Quan hệ sản xuất được hình thành biến đổi, phát triển được quyết định bởi lực lượng sản xuất.

- Trong quá trình sản xuất cùng với sự biến đổi và phát triển của công cụ lao động thì kinh nghiệm sản xuất, kỹ năng sản xuất, kiến thức khoa học của con người cũng tiến bộ. Lực lượng sản xuất trở thành yếu tố hoạt động nhất, cách mạng nhất. Còn quan hệ sản xuất là yếu tố tương đối ổn định, có khuynh hướng lạc hậu hơn sự phát triển của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất là nội dung của phương thức sản xuất còn quan hệ sản xuất là hình thức sh của nó. Trong mối quan hệ giữa nội dung và hình thức thì nội dung quyết định hình thức, hình thức phụ thuộc vào nội dung, nội dung thay đổi trước, sau đó hình thức mới biến đổi theo.

- Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất cũng hình thành và biến đổi cho phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Sự phù hợp đó là động lực làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ. Nhưng lực lượng sản xuất thường phát triển nhanh, còn quan hệ sản xuất có xu hướng tương đối ổn định. Khi lực lượng sản xuất đã phát triển lên một trình độ mới, quan hệ sản xuất không còn phù hợp với nó nữa, sẽ trở thành chướng ngại đối với sự phát triển của nó, sẽ nảy sinh mâu thuẫn gay gắt giữa hai mặt của phương thức sản xuất. Sự phát triển khách quan đó tất yếu dẫn đến việc xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ, thay thế bằng một kiểu quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ mới của lực lượng sản xuất, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

- Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất là quy luật cơ bản của sự phát triển của xã hội loài người. Sự tác động của nó trong lịch sử làm cho xã hội chuyển từ hình thái kinh tế - xã hội thấp lên hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn.

+ Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất :

- Sự hình thành, biến đổi, phát triển của quan hệ sản xuất phụ thuộc vào tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Nhưng quan hệ sản xuất là hình thức xã hội mà lực lượng sản xuất dựa vào đó để phát triển, nó tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất, có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

- Quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trở thành động lực cơ bản thúc đẩy, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển. Ngược lại quan hệ sản xuất lỗi thời không còn phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, bộc lộ mâu thuẫn gay gắt với lực lượng sản xuất thì trở thành " xiềng xích trói buộc" kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Song nó chỉ là tạm thời, theo tính tất yếu khách quan, cuối cùng nó sẽ bị thay thế bằng kiểu quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất .

- Sở dĩ quan hệ sản xuất có thể tác động mạnh mẽ trở lại đối với lực lượng sản xuất ( thúc đẩy hoặc kìm hãm ) vì nó quy định mục đích của sản xuất, quy định tổ chức hệ thống quản lý sản xuất và quản lý xã hội; quy định phương thức phân phối và phần của cải ít nhiều mà người lao động được hưởng . Mỗi kiểu quan hệ sản xuất là một hệ thống chỉnh thể hữu cơ gồm cả ba mặt : quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối. Chỉ trong chỉnh thể đó quan hệ sản xuất mới trở thành động lực thúc đẩy con người hành động nhằm phát triển sản xuất.

+ Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất là quy luật chung nhất của sự phát triển xã hội. Quy luật này đưa

loài người trải qua các phương thức sản xuất: công xã nguyên thuỷ, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và phương thức cộng sản tương lai.

+ Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất là quy luật vận động, phát triển của xã hội qua sự thay thế kế tiếp nhau từ thấp lên cao của các phương thức sản xuất.

- Sự khủng hoảng và sụp đổ của nhiều nước XHCN hiện nay có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân cơ bản là không nhận thức và vận dụng đúng các quy luật xã hội, trong đó có những quy luật cơ bản ở trên.

- Từ lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất nó có quan hệ chặt chẽ gắn bó với nhau, luôn tồn tại song song và không thể tách rời nhau được. Từ đây nó sẽ hình thành nên tổng thể của nền sản xuất và đời sống cộng đồng sẽ hình thành nên kiến trúc thượng tầng của xã hội.

### **3. Các hình thức đổi mới ở Việt Nam**

+ Muốn xây dựng hình thái kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thì phải coi thực hiện công cuộc đổi mới là quá trình vừa làm việc vừa học tập vừa rút kinh nghiệm bởi vì chưa bao giờ có sẵn một mô hình để căn cứ vào đó mà chủ động vạch ra một chương trình đổi mới cụ thể, chi tiết trên từng lĩnh vực.

- Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước. Ngày nay chỉ có phát huy sức mạnh làm chủ của nhân dân mới có thể chống tiêu cực, chống suy thoái, chống tham nhũng có hiệu quả nhằm củng cố Đảng làm trong sạch bộ máy nhà nước lành mạnh hoá các quan hệ xã hội.

- Xây dựng nền kinh tế sản xuất hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể sẽ chiếm ưu thế về năng suất chất lượng hiệu quả qua đó giữ vị trí chi phối.

## Tiêu luận triết học

---

- Tiếp tục thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động kinh tế xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ phương tiện và phương pháp tiên tiến hiện đại tạo ra năng suất lao động xã hội cao .

- Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

- Phát triển nền giáo dục, đào tạo, nâng cao trình độ mọi mặt,sử dụng nhân lực một cách đầy đủ, hiệu quả với những chính sách đãi ngộ thoả đáng, tạo môi trường môi trường cho hoạt động tự do sáng tạo cho mọi sáng kiến cá nhân, khai thác triệt để yếu tố con người vì con người.

+ Xây dựng kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Đảng đã khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin là kim chỉ nam cho hành động và nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh. Ta phải xây dựng hệ thống chính trị - xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân, do đội tiên phong của nó là Đảng cộng sản lãnh đạo, đảm bảo cho nhân dân là người chủ thực sự của xã hội. Toàn bộ quyền lực xã hội thuộc về nhân dân, thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo phát huy mọi khả năng sáng tạo, tính tích cực chủ động của của mọi cá nhân mọi tầng lớp xã hội trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hoá, phục vụ ngày càng tốt hơn đời sống của nhân dân.

+ Các tổ chức, thiết chế, các lực lượng xã hội tham gia vào hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa cùng các mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau do cùng một mục tiêu chung, lợi ích chung tạo nên sự hoạt động cùng chiều phối hợp đoàn kết và hợp tác, tạo thành một lực lượng chung hướng tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý kinh tế- xã hội và mọi lĩnh vực hoạt động khác.

## Tiêu luận triết học

---

+ Các tổ chức, bộ máy tạo thành hệ thống chính trị xã hội không tồn tại như một mục đích tự thân mà vì phục vụ con người, thực hiện cho được lợi ích và quyền lực của nhân dân lao động .

+ Khái quát lại , xây dựng hình thái kinh tế - xã hội chủ nghĩa ở nước ta là xây dựng một hệ thống quan hệ xã hội theo yêu cầu phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất hiện đại. Xây dựng một hệ thống chính trị lfam chủ của nhân dân lao động hoạt động theo nguyên tắc tất cả từ con người và vì con người.

+ Tất cả các vấn đề trên đều có ý nghĩa quan trọng để xây dựng hình thái kinh tế- xã hội ở nước ta. Từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, kiến trúc thương tầng ...đều có hướng phát triển riêng của nó với quy mô và kết quả thu được sao cho tốt nhất để đưa nền kinh tế nước ta ngày một phát triển xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

## KẾT LUẬN

Học thuyết hình thái kinh tế xã hội là nền tảng chính của mọi quốc gia trên thế giới vì nó chính là nền tảng kinh tế - xã hội của mọi nước, mà trong đó những yếu tố để hình thành nên hình thái kinh tế - xã hội bao gồm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, kiến trúc thương tầng, sinh hoạt, văn hoá xã hội ... là nhân tố chính của hình thái kinh tế xã hội .

Trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của loài người của năng lực thực tiễn của con người. Lực lượng sản xuất làm ra tư liệu sản xuất cho xã hội, từ lực lượng sản xuất này sẽ nảy sinh ra quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất, và cũng thuộc lĩnh vực đời sống vật chất của xã hội, tư liệu lao động là xương cốt bắp thịt của sản xuất, trong quá trình lao động thì công cụ lao động luôn được cải tiến. Trong các quy luật khách quan chi phối sự vận động phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội thì quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất có vai trò quyết định nhất. Từ lực lượng sản xuất sẽ hình thành nên một tổng thể đó là kiến trúc thương tầng bao gồm toàn bộ những quan điểm tư tưởng xã hội, những thiết chế tương ứng và những quan hệ nội tại của thương tầng hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định và đều có đặc điểm riêng, có quy luật phát triển riêng nhưng không tồn tại tác rời nhau mà liên hệ tác động qua lại lẫn nhau và nảy sinh trên cơ sở hạ tầng, phản ánh cơ sở hạ tầng.

Vậy xây dựng hình thái kinh tế xã hội ở Việt Nam thì nhất thiết các yếu tố lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thương tầng, sinh hoạt, văn hoá ... không thể thiếu một yếu tố nào được mà nó phải gắn bó, liên kết cùng nhau trên con đường phát triển của đất nước.Biết tìm ra những phương pháp có hiệu quả phù hợp với đất nước như xây dựng nền sản xuất hàng hoá nhiều thành phần, xây dựng hệ thống chính trị theo nguyên tắc nhân dân lao động, mở rộng giao lưu quốc tế... sẽ làm cho hình thái kinh tế nước ta phát triển hơn. Chính những điều đó sẽ có ý nghĩa rất tốt đối với các mặt trong tổng thể hình thái kinh tế xã hội của nước ta. Nó sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế lực lượng lao động sẽ có việc làm và không bị dư thừa, đời sống văn minh lịch sự, thu nhập quốc dân tăng thì tổng thể hình thái kinh tế - xã hội của nước ta sẽ phát triển, nó sẽ thúc đẩy

nền kinh tế của nước ta đi lên. Muốn vậy nước ta phải thực hiện tốt đường lối đổi mới toàn diện mà Đảng đã đề ra.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình triết học Mác - Lê nin  
*(NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội)*
2. Triết học Mác - Lê nin  
*(NXB giáo dục)*
3. Tài liệu học tập Lí luận chính trị phổ thông tập II  
*(NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội)*
4. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII  
*(NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội)*
5. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII  
*(NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội).*
6. Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương  
*(Khoá VII), Hà Nội , 1994*